TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2018
"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Phi V, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Số 768 Nguyễn Tr Tr, kh ph 1, phường A H, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Thị O, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Y B, xã N Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 14/5/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Phi V trình bày và yêu cầu như sau*:

Anh và chị Thị O chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương, sau đó có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A H, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Anh chị có 01 đứa con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2011, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác. Quá trình anh chị chung sống đến năm 2011 thì anh chị cự cải với nhau, bất đồng quan điểm sống từ đó chị O bỏ đi sống ly thân với anh, không quan tâm đến chồng con. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống được với nhau nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân, anh xin được ly hôn với chị Thị O. Về quan hệ con chung: Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2011, anh không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ không có, anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 16/7/2018, Trần Ngọc Tường V có nguyện vọng như sau*: Khi cha mẹ là anh Trần Phi V và chị Thị O ly hôn thì Trần Ngọc Tường V có nguyện vọng chung sống với cha là anh Trần Phi V.

** Tại biên bản xác minh ngày 02/7/2018, biết được*: Chị Thị O cư trú ấp Y B, xã N Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn giữa chị O và anh V thì không biết rõ.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chị O biết và ấn định thời gian để chị O có ý kiến về việc khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của anh V đối với chị nhưng chị O không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cần, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị O vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ thông báo nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị O, nhưng chị O vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

** Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn anh Trần Phi V yêu cầu được ly hôn với chị Thị O. Về con, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2011 theo nguyện vọng của con, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không có, anh không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị Thị O vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

- Kiểm sát viện phát biểu về thực hiện tố tụng và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án: Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu,

chứng cứ, xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, anh V và chị O chung sống với nhau vào 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẩn, dẫn đến chị O bỏ nhà đi ly thân với anh V nên mâu thuẩn giữa vợ chồng anh chị trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh V được ly hôn với chị O; về con chung, anh chị có được 01 đứa con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2011. Từ khi anh chị ly thân đến nay anh V nuôi dưỡng và con của anh chị có nguyên vọng khi anh chị ly hôn yêu cầu được sống với cha là anh Trần Phi V, thấy yêu cầu được nuôi con của anh V phù hợp với nguyện vọng của con anh chị và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị cho anh V nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ anh V không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trần Phi V yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn chị Thị O, tranh chấp về nuôi con là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi anh V khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn chị Thị O, cư trú tại ấp Y B, xã N Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chị O biết và ấn định thời gian để chị O có ý kiến về việc khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của anh V đối với chị nhưng chị O không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự

để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị O vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị O, nhưng chị O vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Đồng thời tại phiên toà lần thứ hai anh V không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trợ giúp pháp lý: Chị Thị O là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện An Biên thông báo cho chị O làm đơn yêu cầu Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị nhưng đã hết thời gian Tòa án đã ấn định mà chị O không có ý kiến gì về trợ giúp pháp lý. Do đó, Tòa án không thông báo Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh V và chị O chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Uỷ ban nhân dân phường A H là nơi cư trú một trong các bên của anh chị)* và đươc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152 ngày 06/9/2010, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét yêu cầu của anh V xin ly hôn với chị O, thời gian chung sống anh chị bất đồng quan điểm sống, cự cải với nhau và chị O đã bỏ đi ly thân với anh V là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng. Đồng thời, anh chị đã ly thân nhau 06 năm nay là thời gian dài mà anh chị không hàn gắn với nhau được, cho nên hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh V, cho anh Trần Phi V được ly hôn với chị Thị O là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về quan hệ con chung, anh Vvà chị O có 01 đứa con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2011, hiện nay anh V nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và con của anh chị có nguyện vọng chung sống với anh V khi anh chị ly hôn. Thấy rằng, yêu cầu của anh V và

nguyện vọng của Trần Ngọc Tường V là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nghỉ nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của anh V, giao con chung của anh chị tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2011 cho anh Trần Phi V tiếp tục nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con, anh V không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[8] Về tài sản và nợ chung không có, anh V và chị O không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[9] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Phi V được ly hôn với chị Thị O.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2011 cho anh Trần Phi V tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị Trần Ngọc Tường V.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản và nợ chung: Không có, anh V và chị O không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trần Phi V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005572 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên. Anh Trần Phi V nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/10/2018. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND phường A H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Thảo).

Võ Thanh Huyến